|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN HÀ ĐÔNG  **TRƯỜNG TIỂU HỌC AN HƯNG**  Số: **/**KH-THAH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Đông, ngày 02 tháng 10 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC AN HƯNG**

**Năm học 2021 - 2022**

Thực hiện đường lối đổi mới giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH 13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về Đổi mới Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ –TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận Hà Đông, … đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của từng nhà trường trong từng thời kì, từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao phó. Trường Tiểu học An Hưng trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Hà Đông và có trụ sở tại Khu đô thị An Hưng– phường Dương Nội - quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội. Được sự quan tâm của Quận ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Phòng Giáo dục và Đào tạo Hà Đông, sự vào cuộc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường Dương Nội, sự giúp đỡ của Ban Quản lý dự án khu đô thị An Hưng, trường tiểu học An Hưng chính thức được thành lập theo quyết định số 4558/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2016 và đi vào hoạt động từ năm học 2016– 2017 Trường có diện tích 11556,5 m2 nằm trên địa bàn khu đô thị An Hưng phường Dương Nội quận Hà Đông.

Thực tế, trong thời gian gần đây, trên địa bàn quận Hà Đông và các quận giáp ranh thuộc địa bàn thành phố Hà Nội, kinh tế phát triển nhanh, dân số tăng nhanh do đó đã có nhiều ngôi trường mới được đầu tư xây dựng hiện đại. Những ngôi trường mới ngày càng được xây dựng, đầu tư bề thế, khang trang, có đủ các trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông và bắt nhịp với thời đại công nghệ 4.0. Bên cạnh đó, giáo dục đã mở cửa với nước ngoài, nhiều trường Quốc tế hoặc các trường liên cấp do các tập đoàn lớn nước ngoài được thành lập. Giáo dục quốc dân không còn độc quyền như trước nữa, thêm vào đó có nhiều loại hình giáo dục mới như dân lập, liên cấp, liên kết có yếu tố nước ngoài, … Các vấn đề này cho thấy nhà trường đang gặp phải rất nhiều thách thức nếu không kịp đổi mới môi trường giáo dục để có thể thu hút học sinh vào học tại trường.

Trên cơ sở đó, trường Tiểu học An Hưng xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường năm học 2021 - 2022. Kế hoạch nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban Giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường Tiểu học An Hưng là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, cùng với các cơ sở giáo dục của Hà Nội phát triển xứng tầm là trung tâm văn hóa, giáo dục của cả nước trong thời kì hội nhập và phát triển.

**I. TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG.**

**1. Điểm mạnh.**

**1.1 Công tác quản lý và điều hành của Ban Giám hiệu**

- Ban Giám hiệu có tầm nhìn khoa học, sáng tạo. Kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới, được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Cán bộ quản lý: đều có trình độ chuyên môn cử nhân: đồng chí Hiệu trưởng Cao Thị Lan Hương có trình độ chuyên môn Cử nhân Sư phạm giáo dục Tiểu học; Cử nhân Quản lý giáo dục, và đang theo học Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục; đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Mai Hương trình độ chuyên môn Cử nhân Sư phạm giáo dục Tiểu học; Trung cấp Chính trị - hành chính đồng chí Phó hiệu trưởng Lương Thị Hồng Mùi trình độ chuyên môn Cử nhân chuyên ngành Giáo dục Tiểu học và Trung cấp Chính trị; Đồng chí Hiệu trưởng có tầm nhìn chiến lược, trong công tác chỉ đạo, điều hành luôn chủ động, có kế hoạch cụ thể, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Công tác tổ chức triển khai đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời, sát với thực tế. Nhận được sự đồng thuận, tin tưởng của giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh.

- Ban Giám hiệu đoàn kết, đồng thuận trong mọi hoạt động.

**1.2 Đội ngũ giáo viên, nhân viên**

**a. Chi bộ đảng.**

Chi bộ Đảng có 29 đảng viên. Trình độ Lý luận chính trị: Trung cấp: 03 đồng chí.

**b. Tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên toàn trường**: 54 đ/c. Cụ thể:

\* Năm học 2021-2022 theo QĐ 4123/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 nhà trường được giao 54 chỉ tiêu biên chế trong đó: viên chức: 54 đ/c (lãnh đạo 03 đ/c, giáo viên 45 đ/c, nhân viên 05 đ/c); HĐ 68: 01đ/c

Trường tiểu học An Hưng hiện tại có 34 lớp so với quy định được xếp trường hạng I

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế, hợp đồng hiện có đến thời điểm hiện tại:

- Tổng số CBQL biên chế hiện có: 3/3 đ/c

- Tổng số GV biên chế hiện có tính đến 2/10/2021: 46 đ/c (GV cơ bản: 35, GV bộ môn: 10)

- Tổng số nhân viên biên chế và hợp đồng 68:

+ Nhân viên biên chế 5 đ/c: (01 kế toán, 01 y tế, 1 văn thư, 1 thiết bị và 1 thư viện)

+ Hợp đồng theo NĐ 68:1 đ/c: (01 nhân viên phổ cập + thủ quỹ)

Với định biên 34 lớp (trường hạng I) nhà trường còn thiếu các vị trí việc làm sau: 06 GV (GV cơ bản: 05; GV bộ môn 1: trong đó: 1 giáo viên tin học

Để bước vào năm học mới nhà trường đã chủ động hợp đồng các vị trí việc làm còn thiếu theo đúng quy định của Nhà nước. Đội ngũ toàn trường có trình độ như sau:

+ Trình độ: Đại học: 36/54; Cao đẳng 15/54; Trung cấp 3/54

- Trình độ chuẩn toàn trường: 36/54= 66.6%

- Trình độ dưới chuẩn toàn trường: 3/54=5.5%

\***Biểu thống kê cụ thể về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và hợp đồng lao động (tính đến 05/9/2021)**

|  | **Tổng số** | | **B/chế; HĐ** | | **TTC c.trị** | **Đảng viên** | **Trình độ đào tạo** | | | | **Cân đối** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TS** | **Nữ** | **B/chế** | **H/đồng** | **Th sỹ** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Thừa** | **Thiếu** |
| - Quản lý | 3 | 3 | 3 | 0 | 3 | 3 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - GV V.hóa | 35 | 33 | 35 | 0 | 1 | 18 | 0 | 25 | 9 | 1 | 0 | 5 |
| - GV C/biệt | 10 | 8 | 10 | 0 | / | 4 | 0 | 6 | 4 | 0 | 0 | 0 |
| Â.nhạc | 2 | 2 | 2 | 0 | / | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| M.thuật | 2 | 2 | 2 | 0 | / | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Thể dục | 2 | 1 | 2 | 0 | / | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| T.Anh | 2 | 2 | 2 | 0 | / | 2 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 0 | / | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| TPT đội | 1 | 0 | 1 | 0 | / | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - Nhân viên | 6 | 6 | 5 | 1 | / | 3 | 0 | 2 | 2 | 2 | 0 | 0 |
| Kế toán | 1 | 1 | 1 | 0 | / | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Văn thư | 1 | 1 | 1 | 0 | / | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| Thư viện | 1 | 1 | 1 | 0 | / | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| TBị | 1 | 1 | 1 | 0 | / | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Y tế | 1 | 1 | 0 | 0 | / | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| Thủ quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | / | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khác (HĐ 68) | 1 | 1 | 0 | 1 | / | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **- Tổng số** | **54** | **50** | **53** | **1** | **4** | **29** | **0** | **36** | **15** | **3** | **0** | **6** |

- Tỷ lệ giáo viên/lớp hiện tại đã đạt: 1,3

**\* Chất lượng đội ngũ:**

+ Có 36/54 cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuyên môn ở mức chuẩn và trên chuẩn đạt tỷ lệ 66,6%.

+ 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ Tin học loại A trở lên.

+ Đội ngũ giáo viên luôn gắn bó với nhà trường, nêu cao ý thức xây dựng tập thể đoàn kết, tích cực trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ dưới nhiều hình thức. Tham gia đầy đủ các buổi học tập, bồi dưỡng chuyên môn do Phòng GDĐT tổ chức nhằm đáp ứng được sự đổi mới trong giáo dục hiện nay.

**\* Đánh giá tình trạng chung về đội ngũ**

- Thuận lợi:

Đội ngũ cán bộ quản lý có tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ, có năng lực, trách nhiệm, sáng tạo, nhiệt tình, yêu nghề, mến trẻ, gắn bó với nhà trư­ờng, đoàn kết cùng xây dựng phát triển nhà tr­ường. Chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư­ phạm của giáo viên đáp ứng đ­ược yêu cầu đổi mới giáo dục.

Nhà trường là một tập thể đoàn kết, luôn tôn trọng, yêu thương, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc cũng như đời sống thường ngày. Cán bộ, giáo viên, nhân viên có tinh thần tự học hỏi, nhiệt tình tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp do nhà trường tổ chức, được PHHS tin yêu.

- Khó khăn:

Năm học 2021 - 2022, giáo viên biên chế so với định biên còn thiếu nên nhà trường đã chủ động ký hợp đồng với những vị trí việc làm còn thiếu theo quy định.

Nhiều giáo viên trẻ nhiệt tình, trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin tốt song thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy, công tác chủ nhiệm. Một số giáo viên có tuổi nhiệt tình, có kinh nghiệm giảng dạy, chủ nhiệm song trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin còn hạn chế.

Trình độ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn mới đạt 66.6% còn 33.4% theo dự kiến đến năm 2024 mới đạt chuẩn.

**1.3. Học sinh**

| Khối | Số lớp | TSHS | Nữ | HS học 2 buổi/ngày | | HS ăn bán trú | | Học sinh khuyết tật | | Tỷ lệ H/S HTCT | Dự kiến Tỷ lệ H/S chưa HTCT |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | T.số | Có hồ sơ |
| 1 | 6 | 316 | 150 | 6 | 316 | 6 | 316 | 1 | 1 | 100% | 0% |
| 2 | 6 | 305 | 140 | 6 | 305 | 6 | 305 | 1 | 1 | 100% | 0% |
| 3 | 6 | 281 | 127 | 6 | 281 | 6 | 281 | 3 | 3 | 100% | 0% |
| 4 | 9 | 444 | 211 | 9 | 444 | 9 | 444 | 0 | 0 | 100% | 0% |
| 5 | 7 | 340 | 161 | 7 | 340 | 7 | 340 | 2 | 2 | 100% | 0% |
| **Tổng** | **34** | **1686** | **789** | **34** | **1686** | **34** | **1686** | **7** | **7** | **100%** | **0%** |

\* Lớp học tình thương: Số lớp: 0 Số học sinh: 0

\* Tổng số học sinh là con thương binh, con liệt sỹ: 01

\* Tổng số học sinh có sổ hộ nghèo: 0, cận nghèo: 02

\* Tổng số học sinh là con dân tộc:17 học sinh. Nữ dân tộc: 05 học sinh

- Bình quân học sinh trên lớp là: 49,6 hs/lớp.

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Đa số học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể.

- Nhà trường đã triển khai dạy học Ngoại ngữ và Tin học cho học sinh khối 3, khối 4, khối 5; tổ chức dạy làm quen tiếng Anh lớp đối với khối 1, 2 và dạy học bổ trợ tiếng Anh cho học sinh khối lớp 3, 4, 5 có yếu tố nước ngoài do trung tâm ngoại ngữ BME và lagueling đảm nhiệm.

- Kết quả đánh giá cuối năm học 2020-2021 như sau:

+ Số học sinh Hoàn thành chương trình lớp học 1555/1554= 99.9%

+ Số học sinh lớp 5 (Hoàn thành chương trình tiểu học) 224/224= 100%

và đã được bàn giao tới trường THCS theo tuyến tuyển sinh.

- Một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn do điều kện kinh tế gia đình, do mồ côi cha (mẹ), bố (mẹ) ốm đau bị mắc bệnh nan y, không có việc làm do dịch bệnh Covid-19 dài ngày đã được nhà trường, PHHS hỗ trợ kịp thời.

- 100% học sinh toàn trường được tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục đạo đức, truyền thống, hoạt động hoạt náo tuyên truyền do ban công tác Đội nhà trường tổ chức.

**1.4 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ở các phòng học cơ bản, bộ môn, khu Hiệu bộ, khu phụ trợ:**

**a. Cảnh quan, khuôn viên**

Trường Tiểu học An Hưng có khuôn viên riêng biệt với diện tích đất sử dụng khuôn viên của trường là 11556,5 m2, trung bình là 6,9 m2/ HS đảm bảo đúng theo quy định, có nhiều cây xanh được trồng ngay ngắn, thẳng hàng, đảm bảo mật độ an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Hệ thống cây cối của nhà trường được chăm sóc thường xuyên, cắt tỉa gọn gàng đẹp mắt, Ngay giữa sân trường là những hàng phượng vĩ trồng thẳng lối ngay ngắn, tỏa bóng mát cho HS khi tham gia sinh hoạt tập thể dục hoặc những giờ ra chơi, xung quanh trường là những hàng bằng lăng và sấu luôn xanh tốt, Phía trước đầu hồi mỗi dãy nhà là hai vườn hoa nhỏ trồng đủ các loại cây theo mùa, luôn nở hoa khoe sắc rực rỡ, phía sau sân trường là khu vườn trường được thiết kế hiện đại có đủ các loại cây theo mùa để học sinh có thể tham gia trải nghiệm Khu vườn cây được bố trí ở phía đông khu vực sân trường được trồng nhiều các loại cây ăn quả xanh như mít, xoài, bưởi, đu đủ…. Trước mỗi dãy lớp học đều có vòm có mái che để giúp phụ huynh học sinh tiện đưa đón con. Nhà trường bố trí các chỗ rửa tay phù hợp và tiện lợi để giúp các con luôn giữ được đôi bàn tay sạch sẽ và vệ sinh.. Các tòa nhà A, B và khu hiệu bộ được kết nối đồng bộ vừa tạo cảnh quan đẹp vừa đảm bảo an toàn cho HS đi lại từ cổng trường vào đến lớp học trong những ngày nắng cũng như ngày mưa, cụ thể: khu nhà A gồm 3 tầng với 15 phòng; khu nhà B gồm 03 tầng có 15 phòng; khu nhà hiệu bộ gồm 3 tầng trong đó tầng 1 là các phòng thuộc khối hành chính quản trị và 1 phòng học; tầng 2 là khu Hiệu bộ và hai phòng học và tầng 3 là khu thư viện và 1 phòng học với các phòng chức năng Nhà trường có một sân chung để tổ chức các hoạt động của toàn trường. Trường có sân chơi được lát gạch, vườn trường, sân bãi tập luyện với tổng diện tích rộng 9048,5m2; phần sân bãi tập luyện và vui chơi của HS có diện tích 2500m2; có 03 sân bóng với diện tích gần 500m2 , nhà đa năng có diện tích 458m2. Toàn trường có hơn 50 chiếc ghế đá được kê ở các khu vực thuận tiện cho HS ngồi đọc sách hay nghỉ ngơi vào đầu giờ học, giờ ra chơi và khi chờ CMHS đến đón sau giờ tan học. Trên sân trường và khu vực vườn trường có các thiết bị vận động như cột bóng rổ, đu xà, xích đu, sân cầu lông đảm bảo để học sinh luyện tập thường xuyên, sân bóng đảm bảo tiêu chuẩn. Khu sân chơi, sân tập đảm bảo đúng theo quy định. Toàn bộ khu vực hành lang, nhà ăn, nhà đa năng được vẽ tranh 3D vừa tạo cảnh đẹp vừa là tài liệu cho giáo viên dạy các tiết ngoài không gian lớp học. Để đảm bảo an toàn cho học sinh nhà trường, tại tất cả các tầng đã lắp hệ thống lan can cao trên 1,6 m, làm mành trúc che mưa nắng và hạn chế thấp nhất các đồ vật sắc nhọn có thể làm ảnh hưởng đến HS. Mỗi tầng đều có 2 thùng thu gom rác đảm bảo đúng tiêu chuẩn vệ sinh đô thị để bất kì HS, GV, NV nhìn thấy rác đều nhặt và bỏ vào đúng nơi quy định. Bên cạnh đó, trên sân trường và các khu vực xung quanh đều có các thùng chứa rác nhưng có hình thức mới lạ để không làm mất thẩm mĩ, quang cảnh xung quanh. Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục như: SH tập thể đầu tuần, SH tập thể đầu giờ; vui chơi giữa giờ; tổ chức học các tiết Giáo dục thể chất, tổ chức học các câu lạc bộ aerobic, võ thuật, bóng rổ, bóng đá; tổ chức các sự kiện truyền thông; …

Nếp sinh hoạt của thầy và trò thực sự gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ ở mọi nơi, mọi lúc. Mọi thành viên từ Ban Giám hiệu đến học sinh, nhân viên thêm yêu mến trường lớp. Tích cực chăn nuôi các con vật gần gũi như: chim bồ câu, chăm sóc các khu vườn hoa, đồi cây, khu vận động thể thao…để tạo ra khu trải nghiệm khép kín giúp học sinh được quan sát ngay tại trường phục vụ trực tiếp bài học trên lớp. Cụ thể phục vụ các môn học như: Tiếng Việt (Tập làm văn, luyện nói, luyện viết), Toán, Khoa học, Tự nhiên và xã hội. Với phương châm phấn đấu làm tốt hơn nữa để thực sự “Trường học là công viên, công viên trong trường học”.

Xung quanh trường có hệ thống cống to thoát nước thải an toàn sạch sẽ do vậy chưa xảy ra hiện tượng ngập úng; có đủ số lượng nhà vệ sinh dành riêng cho học sinh và giáo viên, nhân viên (có khu vệ sinh dành riêng cho nam và dành riêng cho nữ), khu vệ sinh được bố trí khá hợp lí. Các khu học tập, khu nhà ăn, nhà bếp, nhà đa năng đều có khu vệ sinh với tổng số 9 nhà vệ sinh nam, 9 nhà vệ sinh nữ, đảm bảo sạch sẽ, thuận tiện không có mùi.

Có hệ thống nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh do công ty nước sạch Hà Đông cung cấp.

**b. Thống kê số lượng, chất lượng, hiện trạng của khối phòng học tập**

**\* Phòng học cơ bản:**

Nhà trường có 34 lớp được bố trí sắp xếp ở 34 phòng học từ tầng 1 đến tầng 3 tại tòa nhà A, B và khu hiệu bộ. Đối với lớp 1;2 được bố trí học toàn bộ tại các phòng ở tầng 1, các tầng còn lại là các lớp 3, 4, 5 được bố trí học ở các phòng học thuộc tầng 2 và tầng 3. Phòng học đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng. Quy cách các phòng học đảm bảo đúng theo quy định. Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh. Phòng học được thiết kế 2 cửa ra vào, một cửa bố trí ở đầu lớp, một cửa bố trí ở cuối lớp. Cửa đi được thiết kế hai cánh có chiều rộng không nhỏ hơn 1,0 m và mở ra phía hành lang. Phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế (chủng loại ghế liền bàn 2 chỗ ngồi dùng cho học bán trú), đảm bảo kích thước phù hợp với độ tuổi của HS theo đúng quy. Mỗi phòng học có từ 26 đến 27 bộ bàn ghế HS. Trang thiết bị trong 1 phòng học cụ thể như sau:

+ Quạt (quạt trần 4 chiếc), đèn (8 máng đèn đôi bằng 16 bóng)

+ Bàn ghế bán trú dành học sinh : 26 -27 bộ; Bàn ghế GV : 01 bộ

+ Ghế nhựa Hoàng Long ngồi chào cờ của học sinh: 1 chiếc/1em

+ Bảng từ xanh: 01cái

+ Ảnh Bác, khẩu hiệu, tranh trang trí: 01 bộ

+ Tủ đựng cốc uống nước: 01 cái

+ Cốc uống nước: 1 chiếc/1 em; Giá để bình nước: 1 chiếc

+ Xô, chậu: 1 bộ; Cây nước ấm: 01 cái/1 lớp

+ Tủ đựng tài liệu, vở sách, chăn gối cho GV và HS: 03 cái

+ Máy vi tính và cây để bàn dùng cho GV: 1 bộ

+ Ti vi: 01 cái

+ Máy chiếu đa vật thể: 01 cái

+ Điều hòa: 02 chiếc; Đồng hồ: 1 cái

+ Mành rèm che nắng: 1bộ; Tủ thuốc: 1 cái

+ Chổi quét, hót rác, chổi lau: 1 bộ

+ Nhiệt kế đo thân nhiệt phòng chống dịch: 1 chiếc

**Phòng bộ môn:**

Gồm 4 phòng: phòng Ngoại ngữ diện tích 45m2, phòng Mĩ thuật diện tích 37m2, phòng Âm nhạc diện tích 65m2, phòng Tin học diện tích 45m2 và được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị phù hợp với đặc thù của bộ môn. Phòng học diện tích Được trang bị 26 bộ bàn ghế HS, bàn ghế GV; quạt, đèn, bảng từ, bảng nỉ, tủ đựng tài liệu; đồng hồ treo tường, rèm mành, tủ đựng cốc, máy chiếu, máy tính, máy trợ giảng ... Ngoài ra căn cứ vào chức năng của từng phòng, nhà trường trang bị thiết bị phù hợp: phòng Tiếng Anh trang bị thêm đài casset; phòng Âm nhạc trang bị thêm nhạc cụ và đàn; phòng Mĩ thuật trang bị thêm tranh ảnh, bục vẽ, mẫu vẽ; phòng Tin học có máy tính, máy chiếu.

**Khối phòng hành chính quản trị:** có phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng; phòng văn thư – kế toán, phòng y tế học đường, phòng phát thanh; khu nhà vệ sinh dành riêng cho GV, HS.

**Khối phòng phục vụ học tập:** Nhà đa năng, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống, phòng Đoàn Đội, phòng giáo viên, ...

**Đánh giá tình trạng chung về cơ sở vật chất:**

Trường có khuôn viên riêng, diện tích rộng 11556,5 m2 đạt trung bình 6,9m2/ HS, có đầy đủ hệ thống cổng, biển trường, tường rào, an toàn, khung cảnh sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn và có nhiều cây xanh. Hệ thống đường đi từ cổng trường đến lớp học luôn sạch đẹp. Nhà trường có sân chơi, sân tập được lát gạch bằng phẳng đảm bảo an toàn và vệ sinh; nhà đa năng được vệ sinh sạch sẽ và sử dụng thường xuyên; khu vui chơi, khu vườn thực nghiệm luôn sạch đẹp tạo cảm giác thân thiện.

Các phòng học có đủ các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập theo đúng quy định. Các phòng học đều được trang bị máy chiếu, máy soi vật thể, loa, máy tính, điều hòa, để phục vụ giảng dạy và học tập. Nhà trường đảm bảo học sinh đến lớp có đủ chỗ ngồi, bàn ghế đồng bộ phù hợp với kích thước HS. Mỗi lớp đều có bảng chống lóa, vị trí treo bảng đảm bảo thuận lợi cho tất cả học sinh trong lớp. Cuối lớp học có trang trí nội quy để nhắc nhở HS và trang trí lớp học. Nhà trường có đủ các khối phòng học tập theo quy định

Hệ thống khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp gọn gàng, khoa học và hỗ trợ hiệu quả phục vụ cho các hoạt động nhà trường. Khu bếp ăn, nhà ăn riêng biệt với khu ngủ, nghỉ và học tập của HS. Khu nhà ăn sạch sẽ, rộng rãi đảm bảo sức khỏe cho HS.

Nhà trường đã trang bị đầy đủ các thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ giảng dạy. Có hệ thống sổ sách theo dõi việc mượn, trả đồ dùng. GV sử dụng hiệu quả ĐDDH được cấp phát và tự làm ĐDDH trong mỗi giờ dạy khi cần. Trường đã thực hiện tu bổ, nâng cấp, sửa chữa và mua mới các thiết bị, ĐDDH đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục. Hàng năm, nhà trường tổ chức thi thiết kế giáo án điện tử; thi thiết kế bài giảng e-learning cấp trường và lựa chọn sản phẩm dự thi cấp quận, cấp thành phố.

Thư viện nhà trường có nhiều loại sách báo phục vụ cho công tác dạy - học và nghiên cứu. Các hoạt động của thư viện ổn định và có nền nếp. Nhân viên thư viện làm công tác kiêm nhiệm nhưng bằng sư phạm chuyên ngành giáo dục tiểu học nên hiểu tâm lí lứa tuổi học sinh khi chọn sách để đọc. Thư viện được trang bị mạng lưới Internet giúp giáo viên có thể cập nhật và tra cứu thông tin nhanh. Nhà trường đã được công nhận “Thư viện đạt chuẩn” và “ Thư viện Tiên tiến”

Hệ thống loa đài, tăng âm đảm bảo phục vụ cho sinh hoạt đầu giờ và hoạt động ngoại khóa.

**2. Điểm hạn chế**

Học sinh trong tuyến tuyển sinh ngày càng đông đã vượt quá quy mô so với thiết kế ban đầu.

Tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo chưa đạt 100%; tỉ lệ giáo viên có trình độ Thạc sĩ còn thấp.

**3. Thời cơ và thuận lợi**

- Nhà trường là cở sở giáo dục được thành lập trên cơ sở địa bàn phương Dương Nội đã có 4 trường tiểu học (TH Dương Nội A, TH Dương Nội B, TH Trần Quốc Toản, TH Kim Đồng) nên nhận được sự quan tâm của Quận ủy, HĐND, UBND quận Hà Đông, chính quyền phường đặc biệt nhận được sự chỉ đạo sát sao của của Phòng GD ĐT quận nhưng cũng không nhận được sự háo hức của người dân địa phương khi nhà trường đi vào hoạt động. Năm đầu tiên mới thành lập nhà trường chỉ có 612 học sinh. Chính vì điều này buộc Ban Giám hiệu và đội ngũ nhà trường phải có hướng đi và tầm nhìn mới để thu hút lực lượng giáo viên và học sinh về làm việc và học tại trường.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt, nhiệt tình trong công việc và đều tình nguyện về giảng dạy tại trường Tuy nhiên nhà trường đa phần đều là các giáo viên chuyển về từ nhiều trường trên địa bàn cả nước, đặc biệt có những đồng chí giáo viên được chuyển về từ những vùng khó như Sơn La, Điện Biên nên việc bắt nhịp với việc sinh hoạt và dạy học trên địa bàn gặp nhiều khó khăn và đây cũng là thách thức với hiệu trưởng khi một số đồng chí chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và giao tiếp với phụ huynh và nhân dân.

- Nhu cầu giáo dục chất lượng cao rất lớn và ngày càng tăng.

- Cơ sở vật chất của trường tương đối hiện đại, đáp ứng với nhu cầu và xu hướng hiện đại hóa trường học, phù hợp với sự phát triển của quận Hà Đông và của Thủ đô Hà Nội. Cơ sở vật chất thiết bị hiện đại buộc CBQl, GV, NV phải sử dụng đúng, đủ, hiệu quả.

**4. Thách thức:**

- Đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục của cha mẹ học sinh và xã hội trong thời kỳ hội nhập.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

- Các trường tiểu học ở khu vực lân cận đều có bề dày truyền thống từ nhiều năm, có chất lượng giáo dục cao, quy mô trường lớp mở rộng và đặc biệt về cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, … đang thu hút đội ngũ giáo viên trẻ, giáo viên có kinh nghiệp và học sinh về làm việc và theo học tại trường.

**5. Xác định các vấn đề ưu tiên.**

- Kiện toàn và nâng cao chất lượng công tác quản lý, điều hành theo hướng chuyên biệt hóa với sự phân công phụ trách các mảng công việc. Xây dựng mối đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm trong toàn bộ tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Hoàn thiện các thể chế, quy định một cách cụ thể, các kế hoạch hoạt động cho phù hợp để đưa các hoạt động của nhà trường đi vào nền nếp ổn định và từ đó tạo đà phát huy các mặt mạnh và thuận lợi của nhà trường hiện có.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên; yêu cầu 100% giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo phải tham gia học tập để đáp ứng yêu cầu do Luật Giáo dục 2019 quy định.

- Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.

- Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

- Thực hiện kế hoạch chương GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2 và xây dựng kế hoạch đối với các lớp 3,4,5; chương trình giáo dục kĩ năng sống cho học sinh và tạo nhiều hoạt động giao lưu để học sinh có điều kiện thích ứng và hòa nhâp.

- Quản lý nhà trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá trường Tiểu học

**II. TẦM NHÌN- SỨ MỆNH VÀ CÁC GIÁ TRỊ**

**1. Tầm nhìn.**

Trường Tiểu học An Hưng sẽ là 1 trong những trường học Hạnh Phúc, ngôi trường thân thiện của ngành Giáo dục Đào tạo quận Hà Động, là trường học chuẩn mực và năng động, là nơi để giáo viên – học sinh sẽ lựa chọn cho mình được dạy – học; nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao lợi ích bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

**2. Sứ mệnh.**

Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, đạt chất lượng cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát huy phẩm chất riêng, biết sáng tạo, có năng lực tư duy và sáng tạo.

**3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.**

- Tính hợp tác - Lòng nhân ái.

- Tính sáng tạo - Lòng tự trọng.

- Tính trách nhiệm - Lòng bao dung.

- Khát vọng vươn lên.

“Đoàn kết - Trách nhiệm - tự trọng - nhân ái - quyết tâm - hợp tác- khát vọng”.

**III. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG**

**1.Mục tiêu.**

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Huy động toàn bộ đội ngũ nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả cao hơn cuộc vận động: “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo cô giáo là tấm gương đạo đức - tự học - sáng tạo”, tạo ra mối quan hệ đúng đắn trong nhà trường, chăm sóc giáo dục học sinh rèn luyện tốt đạo đức, lối sống, chấp hành tốt pháp luật - kĩ cương - nền nếp nhà trường, văn hóa nhà trường - ngoài xã hội và trong gia đình.

- Phát triển đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên vững vàng về chuyên môn - nghiệp vụ, tích cực đổi mới phương pháp dạy - học phù hợp với năng lực từng đối tượng học sinh, phát huy chủ thể học sinh, luôn nêu cao ý thức và tinh thần tự học, tự bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển năng lực chuyên môn và nhân cách nhà giáo phát triển đội ngũ nhà trường.

- Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa nhà trường qua việc thực hiện tốt phong trào thi  đua xây dựng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” với các nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, môi trường sư phạm sạch sẽ, thoáng mát, lành mạnh bên trong và bên ngoài,  xung quanh khu vực trường, tạo sự đoàn kết, gắn bó – tôn trọng lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường, không có học sinh lưu ban- bỏ học, xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học  sinh ở trường, xây dựng góc học tập ở nhà, học tập  theo nhóm, theo tổ, tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, giáo dục thẫm mỹ và hình thành kĩ năng sống cho học sinh.

- Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lí nhà trường, ứng dụng tích cực CNTT trong dạy học và quản lí. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực cả trong lẫn ngoài nhà trường, chủ yếu là nguồn lực nội tại và Ban đại diện CMHS.

- Tạo dựng được môi trường học tập - rèn luyện theo hướng giáo dục toàn diện vững chắc và bền vững, đạt chất lượng cao trong top 10 trường hàng đầu của quận Hà Đông; xây dựng được thương hiệu của nhà trường và luôn có được niềm tin của ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, được phụ huynh tin yêu và tín nhiệm.

- Xây dựng nhà trường theo mô hình “Trường học Hạnh phúc”.

**2. Chỉ tiêu:**

**Tập thể:**

- Chi bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

**-** Tập thể nhà trường được đề nghị tặng “Lao động tiên tiến”

- Công đoàn vững mạnh được Liên đoàn lao động quận khen thưởng

- Liên đội: BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố khen thưởng

**Cá nhân:**

- 100% cán bộ giáo viên đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ

- Chiến sĩ thi đua: 8 đ/c

- Giáo viên dạy giỏi: cấp trường 16, cấp quận: 1, cấp thành phố: 1

**Chất lượng giáo dục:**

- Chất lượng văn hóa:

+ Hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%

+ Hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%

- Đánh giá kết quả học tập các môn học:

| **TT** | **Môn học** | **Tổng số**  **HS** | **Hoàn thành Tốt** | | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SL** | **%** | **SL** | | **%** | **SL** | **%** |
| 1 | Tiếng Việt | 621 | 353 | 56.8 | 268 | | 43.2 | 0 | 0.0 |
| 2 | Toán | 621 | 370 | 59.6 | 251 | | 40.4 | 0 | 0.0 |
| 3 | Đạo đức | 621 | 410 | 66.0 | 211 | | 34.0 | 0 | 0.0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 621 | 373 | 60.1 | 248 | | 39.9 | 0 | 0.0 |
| 5 | Âm nhạc | 621 | 187 | 30.1 | 434 | | 69.9 | 0 | 0.0 |
| 6 | Mĩ thuật | 621 | 208 | 33.5 | 413 | | 66.5 | 0 | 0.0 |
| 7 | Giáo dục thể chất | 621 | 188 | 30.3 | 433 | | 69.7 | 0 | 0.0 |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | 621 | 379 | 61.0 | 242 | | 39.0 | 0 | 0.0 |

- Đánh giá về phẩm chất năng lực

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung phẩm chất** | **Số HS** | **Xếp loại** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Yêu nước | 621 | 621 | 100 | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 |
| Nhân ái | 621 | 621 | 100 | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 |
| Chăm chỉ | 621 | 435 | 70.0 | 186 | 30.0 | 0 | 0.0 |
| Trung thực | 621 | 621 | 100 | 0 | 0.0 | 0 | 0.0 |
| Trách nhiệm | 621 | 520 | 83.7 | 101 | 16.3 | 0 | 0.0 |

**-Những năng lực cốt lõi:**

\* Những năng lực chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung phẩm chất** | **Số HS** | **Xếp loại** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| SL | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Tự chủ và tự học | 621 | 471 | 75.8 | 150 | 24.2 | 0 | 0.0 |
| Giao tiếp và hợp tác | 621 | 484 | 77.9 | 137 | 22.1 | 0 | 0.0 |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 621 | 458 | 73.8 | 163 | 26.2 | 0 | 0.0 |

\* Những năng lực đặc thù

| **Nội dung phẩm chất** | **Số HS** | **Xếp loại** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Ngôn ngữ | 621 | 497 | 80.0 | 124 | 20.0 | 0 | 0.0 |
| Tính toán | 621 | 441 | 71.0 | 180 | 29.0 | 0 | 0.0 |
| Khoa học | 621 | 431 | 69.4 | 190 | 30.6 | 0 | 0.0 |
| Thẩm mĩ | 621 | 504 | 81.2 | 117 | 18.8 | 0 | 0.0 |
| Thể chất | 621 | 594 | 95.7 | 27 | 4.3 | 0 | 0.0 |

**Tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục đối với lớp 1, 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số HS** | **Số HS đánh giá** | **Hoàn thành xuất sắc** | | **Hoàn thành tốt** | | **Hoàn thành** | | **Chưa hoàn thành** | |
|  |  | SL | **%** | SL | **%** | SL | **%** |
| 621 | 621 | 121 | 19,5 | 41 | 6,6 | 459 | 73,9 | 0 | 0 |

**Đánh giá kết quả học tập các môn học đối với lớp 3, 4, 5**

| **TT** | **Môn học** | **Số HS đánh giá** | **Hoàn thành Tốt** | | **hoàn thành** | | **Chưa**  **hoàn thành** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| SL | **%** | SL | **%** | SL | **%** |
| 1 | Tiếng Việt | 1065 | 541 | 50.8 | 524 | 49.2 | 0 | 0.0 |
| 2 | Toán | 1065 | 558 | 52.4 | 507 | 47.6 | 0 | 0.0 |
| 3 | Đạo đức | 1065 | 783 | 73.5 | 282 | 26.5 | 0 | 0.0 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 281 | 149 | 53.0 | 132 | 47.0 | 0 | 0.0 |
| 5 | Khoa học | 784 | 525 | 67.0 | 259 | 33.0 | 0 | 0.0 |
| 6 | Lịch sử và Địa lý | 784 | 482 | 61.5 | 302 | 38.5 | 0 | 0.0 |
| 7 | Âm nhạc | 1065 | 352 | 33.1 | 713 | 66.9 | 0 | 0.0 |
| 8 | Mĩ thuật | 1065 | 352 | 33.1 | 713 | 66.9 | 0 | 0.0 |
| 9 | Kỹ thuật, Thủ công | 1065 | 676 | 63.5 | 389 | 36.5 | 0 | 0.0 |
| 10 | Thể dục | 1065 | 357 | 33.5 | 708 | 66.5 | 0 | 0.0 |
| 11 | Ngoại ngữ | 1065 | 383 | 36.0 | 682 | 64.0 | 0 | 0.0 |
| 12 | Tin học | 1065 | 384 | 36.1 | 681 | 63.9 | 0 | 0.0 |

**Đánh giá về Phẩm chất:**

| **Khối** | **Số HS đánh giá** | **Chăm học, chăm làm** | | | | | | **Tự tin, trách nhiệm** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 3 | 281 | 203 | 72.2 | 78 | 27.8 | 0 | 0.0 | 207 | 73.7 | 74 | 26.3 | 281 | 203 |
| 4 | 444 | 309 | 69.6 | 135 | 30.4 | 0 | 0.0 | 302 | 68.0 | 142 | 32.0 | 444 | 309 |
| 5 | 340 | 277 | 81.5 | 63 | 18.5 | 0 | 0.0 | 280 | 82.4 | 60 | 17.6 | 340 | 277 |
| **Tổng** | 1065 | 789 | 74.1 | 276 | 25.9 | 0 | 0.0 | 789 | 74.1 | 276 | 25.9 | 1065 | 789 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS đánh giá** | **Trung thực, kỉ luật** | | | | | | **Đoàn kết, yêu thương** | | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | **Tốt** | | **Đạt** | | **CCG** | | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 3 | 281 | 204 | 72.6 | 77 | 27.4 | 0 | 0.0 | 256 | 91.1 | 25 | 8.9 | 0 | 0.0 |
| 4 | 444 | 340 | 76.6 | 104 | 23.4 | 0 | 0.0 | 360 | 81.1 | 84 | 18.9 | 0 | 0.0 |
| 5 | 340 | 325 | 95.6 | 15 | 4.4 | 0 | 0.0 | 326 | 95.9 | 14 | 4.1 | 0 | 0.0 |
| **Tổng** | 1065 | 869 | 81.6 | 196 | 18.4 | 0 | 0.0 | 942 | 88.5 | 123 | 11.5 | 0 | 0.0 |

**Đánh giá về Năng lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số HS đánh giá** | **Tự phục vụ, tự quản** | | | | | |
| **Tốt** | | **Đạt** | | **Cần cố gắng** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 3 | 407 | 387 | 95.1 | 20 | 4.9 | 0 | 0 |
| 4 | 413 | 364 | 88.1 | 49 | 11.9 | 0 | 0 |
| 5 | 230 | 165 | 72.2 | 64 | 27.4 | 1 | 0.4 |
| **Tổng** | **1050** | **916** | **87.2** | **133** | **12.7** | **1** | **0.1** |

| **Khối** | **Số HS đánh giá** | **Hợp tác** | | | | | | | **Tự học và giải quyết vấn đề** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | | **Đạt** | |  | | | **Tốt** | | | **Đạt** | | | **CCG** | | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | | **%** | **SL** | | **%** | **SL** | | **%** |
| 3 | 281 | 200 | 71.2 | 81 | 28.8 | 0 | 0.0 | 196 | | 69.8 | 85 | | 30.2 | 0 | | 0.0 |
| 4 | 444 | 332 | 74.8 | 112 | 25.2 | 0 | 0.0 | 301 | | 67.8 | 143 | | 32.2 | 0 | | 0.0 |
| 5 | 340 | 282 | 82.9 | 58 | 17.1 | 0 | 0.0 | 280 | | 82.4 | 60 | | 17.6 | 0 | | 0.0 |
| **Tổng** | 1065 | 814 | 76.4 | 251 | 23.6 | 0 | 0.0 | 777 | | 73.0 | 288 | | 27.0 | 0 | | 0.0 |

**Khen thưởng học sinh cuối năm học:**

**- Khen thưởng đối với lớp 1, 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Số HS** | **Danh hiệu học sinh xuất sắc** | | **Danh hiệu học sinh tiêu biểu** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Khối 1 | 316 | 55 | 17.4% | 18 | 5.7% |
| Khối 2 | 305 | 66 | 21.6% | 23 | 7.5% |

**- Khen thưởng đối với lớp 3, 4, 5**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Tổng số**  **HS** | **Danh hiệu học sinh xuất sắc** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** |
| Khối 3 | 281 | 72 | 25.6% |
| Khối 4 | 444 | 117 | 26.4% |
| Khối 5 | 340 | 101 | 29.7% |

**- Kết quả các kỳ thi, giao lưu và một số hoạt động khác:**

| **Xếp loại** | **Khối** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| HS đạt giải Olimpic T Anh cấp quận. |  |  |  |  |  |  |  |  | 6 | 1.7 |
| HS đạt giải Olimpic T Anh cấp TP. |  |  |  |  |  |  |  |  | 1 | 0.1 |
| Chi đội mạnh | 0 |  | 0 |  | 0 |  | 9 | 100 | 7 | 100 |
| Lớp học thân thiện, học sinh tích cực | 6 | 100 | 6 | 100 | 6 | 100 | 9 | 100 | 7 | 100 |
| Lớp vở sạch chữ đẹp | 6 | 100 | 6 | 100 | 6 | 100 | 9 | 100 | 7 | 100 |

- HS Giao lưu Olimpic Tiếng Anh cấp quận: 6

- HS Giao lưu Olimpic Tiếng Anh thành phố: 1

- Ổn định và duy trì nền nếp các hoạt động giáo dục

- Cùng với các trường trong quận hoàn thành tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, cơ sở vật chất để chuẩn bị cho việc dạy và học Chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018

**3. Nhiệm vụ trọng tâm**

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 15 tháng 5 năm 2016 về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh gắn với nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.

- Phát huy hiệu quả của Đề án 03 **“Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và hướng nghiệp dạy nghề quận Hà Đông giai đoạn 2020 – 2025”.** Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; Đẩy mạnh dạy học 2 buổi/ ngày gắn với công tác bán trú cho học sinh; tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Tạo mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, nhân dân trên địa bàn, làm tốt công tác tuyển sinh, PCGD huy động trẻ ra lớp đúng độ tuổi.

4. Nhiệm cụ cụ thể

4.1. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và thực hiện các cuộc vận động; phong trào thi đua:

- Triển khai tới tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về Chỉ thị số 05-CT/TW Ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phân tích những điểm mới so với chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI; sau khi triển khai yêu cầu tập thể và tất cả mỗi cá nhân đều có kế hoạch và đăng ký thực hiện các nội dung của chỉ thị 05.

- Nhà trường, và các tổ chức đoàn thể thành lập ban chỉ đạo, lập kế hoạch thực hiện triển khai tới cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường các cuộc vận động và phong trào thi đua; định kỳ hoặc từng giai đoạn có sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, tuyên dương khen thưởng.

4.2. Công tác ổn định sắp xếp Cơ sở vật chất gắn với việc xây dựng Thư viện tiên tiến; Trường học Xanh, sạch, đẹp, thân thiện và an toàn:

- Hiệu trưởng cùng với đội ngũ GV sau khi tiếp quản nhà trường đã nhanh chóng thành lập tổ tiếp nhận sắp xếp tài sản, thiết bị ngăn nắp, gọn gàng phù hợp với số lượng lớp đang có. Tài sản chưa sử dụng đến thì có kế hoạch bảo quản, cất giữ cẩn thận. Có kế hoạch tiết kiệm ngân sách khoảng 20 triệu để mua sách cho phòng thư viện, 10 triệu để mua những loại thuốc và vật dụng y tế, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, dụng cụ thể thao cần thiết....Tập trung chăm sóc, tưới cho hệ thống cây xanh quanh trường. Giáo dục học sinh yêu lao động, tiết kiệm nguồn điện và nước sạch.

4.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ

- Hiệu trưởng phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phổ biến, tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên các văn bản pháp lý về chính trị, về chuyên môn đang có hiệu lực phục vụ trực tiếp cho công việc.

- Vận động CB, GV, NV tham gia các diễn đàn giáo dục, truy cập khai thác nguồn tài nguyên mạng Internet để lấy dữ liệu phục vụ cho bài giảng. Chỉ đạo thực hiện tốt việc bồi dưỡng thường xuyên, công tác tự học, tự bồi dưỡng; có chế độ hỗ trợ cho cá nhân tự tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ vào các ngày nghỉ hàng tuần, trong năm mà không ảnh hưởng đến công việc chung.

- Tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường một cách nghiêm túc; Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ hàng tháng, đưa tiêu chí "trình độ tay nghề chuyên môn" và công tác tự học, tự bồi dưỡng làm những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại thi đua hàng tháng, hàng kỳ, hàng năm, động viên khen thưởng kịp thời những cá nhân có trình độ tay nghề khá, giỏi tinh thần tự học cao.

4.4. Công tác dạy - học và giáo dục học sinh:

- Thực hiện nghiêm túc chương trình của Bộ Giáo dục, bám sát nhiệm vụ trọng tâm và điều chỉnh thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT Hà Nội, Phòng GDĐT Hà Đông cũng như thực tế của nhà trường ; Thực hiện dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học.

- Thực hiện có hiệu quả việc sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các khối lớp; thực hiện dạy học kết hợp với sinh hoạt các câu lạc bộ; giáo dục ngoài giờ lên lớp vào các tiết học buổi chiều; rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh hấp dẫn, thu hút được nhiều học sinh tham gia có hiệu quả.

- Hiệu trưởng tổ chức bàn giao chất lượng cho giáo viên; duyệt kế hoạch và đăng ký chỉ tiêu thi đua cho từng cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đặc thù công việc ngay từ đầu năm học,

- Thực hiện tốt việc đánh giá học sinh theo thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/ TT-BGDĐT; lớp 1, lớp 2 thực hiện đánh giá theo Thông tư 27/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên về chuyên môn đặc biệt là trình độ tay nghề theo chuẩn nghề nghiệp của GV.

- Phối hợp tốt với cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong công tác giáo dục học sinh;

- Tổ chức tốt các lễ hội trong năm học: Khai giảng, Trung Thu, 20/11, 22/12, tết nguyên đán, 8/3, 30/4, 15/5...cho tất cả học sinh tham gia, thực hiện tốt các chuyên đề, chuyên hiệu công tác đội và phong trào thiếu nhi có tác dụng thiết thực bồi dưỡng kĩ năng sống cho học sinh, phát huy tốt hơn nữa vai trò của Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường tăng cường sự hỗ trợ của Chi đoàn thanh niên.

- Thành lập đội văn nghệ xung kích, thể dục thể thao, tổ chức các sân chơi phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học, đảm bảo có hồ sơ theo dõi các hoạt động đầy đủ,

- Tổ chức triển lãm tranh Thiếu nhi, Hội diễn văn nghệ, ngày hội TT giữa các lớp ít nhất 1 lần/ năm học.

4.5. Thực hiện công tác phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức 2 một cách vững chắc và giáo dục trẻ khuyết tật, trẻ khó khăn:

- Thực hiện nghiêm túc nghị định số: 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về việc: phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

- Tiếp nhận học sinh khuyết tật vào học hòa nhập, tạo điểu kiện cho học sinh khó khăn được học tập.

- Phối hợp chặt chẽ với gia đình, các tổ chức xã hội và các lực lượng cộng đồng để chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật, trẻ khó khăn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, bố trí đội ngũ giáo viên hỗ trợ trẻ khuyết tật

- Đánh giá trẻ khuyết tật theo Thông tư 22/2016 và Thông tư 27/2020 về đánh giá học sinh tiểu học của Bộ giáo dục một cách nghiêm túc, ghi nhận sự cố gắng của HS dù là nhỏ nhất.

4.6. Công tác xã hội hóa giáo dục:

- Tham mưu tốt cho địa phương, phối hợp chặt chẽ với hội phụ huynh, vận động các lực lượng xã hội tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục trên địa bàn.

- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong toàn xã hội, vận động đa số phụ huynh tham gia vào mô hình trường học mới một cách thiết thực.

- Vận động cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí, vật chất vào xây dựng trường lớp; Nhà trường sử dụng nguồn kinh phí đóng góp đúng mục đích, có hiệu quả.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành một cách có hiệu quả;

- Nhà trường tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh tự chủ hoạt động, tuyên truyền tăng cường công tác giám sát.

- Tổ chức các cuộc họp liên tịch giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.7. Công tác quản lí, giám sát, kiểm tra nội bộ và kiểm định chất lượng:  
- Tăng cường công tác quản lý, làm tốt công tác đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên; bố trí, sắp xếp công việc hợp lý cho từng người; động viên, có chế tài khen thưởng, khích lệ GV, NV làm việc,

- Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, kế hoạch kiểm định chất lượng của nhà trường; nắm chắc và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của cấp trên.  
- Lấy kiểm tra đánh giá làm thước đo để đánh giá công chức, viên chức hàng năm, làm căn cứ để sàng lọc đội ngũ theo nghị định 108 của chính phủ.

- Bồi dưỡng nâng tầm nhận thức, trách nhiệm cho CBQL, giáo viên, nhân viên trong quá trình quản lý và thực hiện nề nếp, kỷ cương trong giáo dục.

4.8. Công tác bán trú:

- Quán triệt tinh thần, làm tốt công tác thỏa thuận với phụ huynh học sinh về công tác tổ chức và mức đóng góp tiền ăn BT, tổ chức cho phụ huynh có con tham gia ăn bán trú bàn về các điều kiện để tổ chức tốt công tác bán trú. Tham gia kiểm tra, giám sát thường xuyên.

- Thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát chặt chẽ khẩu phần ăn hàng ngày, làm tốt công tác trực bán trú; quy trình thực hiện bán trú; cử một đồng chí trong Ban giám hiệu phụ trách chỉ đạo trực tiếp công tác bán trú. Hàng ngày đều có bộ phận trực bán trú.

4.9. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:

- Tất cả các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đều có kế hoạch cụ thể, hoạt động theo kế hoạch; phối hợp với nhà trường bằng quy chế hoạt động; người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá thi đua, xếp loại và mọi hoạt động của tổ chức mình.

- Tất cả các hoạt động của tổ chức, đoàn thể đều hướng đến mục đích chính là giảng dạy và giáo dục học sinh.

**VI. CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC:**

**1 Đổi mới dạy học**: Lãnh đạo và tổ chức việc đổi mới PPDH theo hướng tích cực hóa hoạt động của học sinh, dạy học theo hướng cá thể hóa từng đối tượng HS. Tập cho HS có thói quen học tập theo nhóm, tổ, xây dựng cho học sinh ý thức tự học và sáng tạo…

- Huy động nguồn lực, hỗ trợ GV đổi mới PPDH, thực hiện tốt nội dung chương trình GDTH mới, tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng văn hóa hợp tác trong nhà trường để tạo động lực đẩy mạnh đổi mới.

- Cải tiến việc quản lí, đánh giá đội ngũ giáo viên chú ý đến việc thực hiện đổi mới hoạt động chuyên môn của từng cá nhân, tổ khối.

**2. Phát triển đội ngũ**:

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ đến năm 2023 trong đó chú ý đến quá trình tự học - tự bồi dưỡng của đội ngũ và lãnh đạo việc hỗ trợ chuyên môn và phát triển nhân cách cho giáo viên

- Tạo động lực làm việc cho đội ngũ nhà trường, mỗi thành viên trong đơn vị đều ý thức xây dựng thương hiệu nhà trường, tạo điều kiện tối đa để khuyến khích  khơi dậy năng lực tiềm tàng có trong đội ngũ, xây dựng tinh thần trách nhiệm - tinh thần đoàn kết - sự hợp tác cùng phát triển, xây dựng mối quan hệ  thân thiện trong nhà trường ( BGH - các đoàn thể; BGH - GV; GV - GV; GV - HS; HS - HS; CBCNVC - PHHS… ); đánh giá công bằng, khuyến khích phối hợp với chính sách tổ chức cán bộ và thi đua, khen thưởng.

**3. Xây dựng cơ sở vật chất:**

- Huy động các nguồn lực trong và ngoài nhà trường, xây dựng đầy đủ CSVC, trang thiết bị, công nghệ phục vụ cho việc dạy - học, tổ chức thường xuyên các hoạt động NGLL, giáo dục thể chất và hình thành kĩ năng sống cho học sinh.

- Xây dựng CSVC nhà trường đến năm 2025 đầy đủ và hiện đại.

**4. Nguồn lực tài chính:**

- Xây dựng và thực hiện công khai minh bạch Quy chế chi tiêu nội bộ theo nội dung đã xây dựng trong năm 2021

- Huy động nguồn lực từ các nguồn bên trong nhà trường, từ đội ngũ CB - GV - NV - HS trong phong trào tự làm các thiết bị đồ dùng dạy học, phong trào tiết kiệm hỗ trợ CSVC, thiết bị của nhà trường.

- Huy động nguồn lực từ bên ngoài nhà trường: các cơ sở kinh doanh, đơn vị sản xuất, Ban đại diện CMHS, phụ huynh HS, hội khuyến học, các mạnh thường quân…

- Sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn huy động về tài chính.

**5. Hệ thống thông tin:**

- Xây dựng và sử dung hiệu quả việc kết nối mạng Internet, phát triển mạng nội bộ, khai thác sử dụng triệt để khi có nhu cầu cho hoạt động chuyên môn, hoạt động dạy - học chủ yếu; đảm bảo thông suốt hệ thống máy tính trong nhà trường.

- Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi từ đội ngũ GV, cha mẹ học sinh, học sinh và cộng đồng xã hội.

**6. Mối quan hệ với cộng đồng:**

- Xây dựng thật vững chắc mối quan hệ giũa nhà trường với CMHS, giữa GVCN với CMHS.

- Tranh thủ sự quan tâm ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương, các đoàn thể, nhân dân ở địa phương nhất là tại địa bàn trường đang đóng đối với việc xây dựng CSVC và giáo dục học sinh.

- Tổ chức cho GV - HS tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội ở địa phương.

**7. Lãnh đạo và quản lí**

- Bồi dưỡng và nâng cao năng lực tư duy lãnh đạo và năng lực quản lí của hiệu trưởng của các PHT để đổi mới phát triển nhà trường.

- Hướng dẫn cho người đứng đầu các bộ phận, các đoàn thể, tổ khối trưởng chuyên môn và đội ngũ nhà trường hiểu biết và thống nhất yêu cầu để phát triển.

**V. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức:**

- Đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu theo quy định tại Thông tư 28/2020 về Điều lệ trường Tiểu học và Thông tư 16/2017 của Bộ GDĐT về vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục phổ thông, phát huy được tư duy lãnh đạo, luôn rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn của nhà quản lí và nhà giáo, phấn đấu duy trì và sử dụng CNTT trong quản lí.

- Hình thành đầy đủ lực lương nòng cốt trong lãnh đạo nhà trường, gồm lãnh đạo các đoàn thể, tổ trưởng, tổ phó các khối ổn định đến năm 2025. và được tập huấn các nội dung về sự cấp thiết về Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng văn hóa nhà trường, hỗ trợ phát triển chuyên môn và nhân cách đội ngũ, phát triển giáo dục toàn diện học sinh, ứng dụng CNTT trong dạy - học, kiểm tra đánh giá học sinh và đội ngũ nhà trường.

- Xây dưng đội ngũ giáo viên- nhân viên ổn định lâu dài (2020 – 2025)

**2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh.**

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá.

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.

- Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

- Mở các hội nghị cấp trường về các chuyên đề như: ứng dụng CNTT trong dạy học, dạy học các môn theo chương trình Đổi mới giáo dục phổ thông 2018, dạy học các môn học văn hoá tích hợp với giáo dục đạo đức, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục biển đảo và an ninh quốc phòng, …

- Người phụ trách: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

**3. Xây dựng và phát triển đội ngũ.**

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Người phụ trách: Ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn

**4. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục.**

- Xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

- Người phụ trách: hiệu trưởng, kế toán, nhân viên thiết bị, thư viện

**5. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.**

- Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, thư viện điện tử…Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học.

- Động viên cán bộ, giáo viên, CNV tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc chuyên môn của mình.

- Lên kế hoạch thi giáo án điện, thiết kế bài giảng E- learning từ cấp trường và có bài dự thi các cấp.

- Người phụ trách: Ban Giám hiệu, Tổ chuyên môn, giáo viên và nhân viên phụ trách CNTT.

**6. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục.**

- Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, CNV.

- Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

+ Nguồn lực tài chính: Ngân sách Nhà nước. Ngoài ngân sách: Các khoản tài trợ của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường, Hội CMHS.

+ Nguồn lực vật chất:

- Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ.

- Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

- Người phụ trách: BGH, BCH Công đoàn, Hội CMHS.

**7. Xây dựng thương hiệu**

- Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường bằng cách tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân địa phương những thành tích mà nhà trường đã đạt được thông qua các cuộc họp phụ huynh, các cuộc họp với Đảng uỷ Chính quyền địa phương về các vấn đề có liên quan đến giáo dục.

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, CNV, học sinh và PHHS.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường, bằng các hình thức:

- Yêu cầu mỗi thành viên trong nhà trường đều nêu cao tinh thần làm chủ, chủ động nắm bắt và tuyên truyền những tin tức tích cực nhất nhằm xây dựng thương hiệu cho nhà trường trong nhân dân, trên trang Website của nhà trường.

**VI. TỔ CHỨC THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**1**. Phổ biến kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường năm học 2021 - 2022

- Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, CMHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

- Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường NH 2021-2022, kế hoạch giáo dục, kế hoạch kiểm tra nội bộ đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của quận Hà Đông, của thủ đô Hà Nội đồng thời đảm bảo cho việc thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu cụ thể theo từng thời điểm trong kế hoạch chiến lược.

2. Tổ chức

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường. Ban chỉ đạo thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên một cách rõ ràng và phù hợp với năng lực, sở trường công tác của các thành viên đồng thời tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ để hỗ trợ cho các hoạt động của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược:

- Giai đoạn 1: Học kì 1 năm học 2021 - 2022

- Giai đoạn 2: Học kì 2 năm học 2021- 2022

- Giai đoạn 3: Tháng 6, 7, 8/2022

4. Đối với Hiệu trưởng: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

5. Đối với phó Hiệu trưởng: Theo nhiệm vụ được phân công, giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

6. Đối với Tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

7. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, CNV: Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động của tổ nhóm chuyên môn của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân trong năm học cho phù hợp. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển năm học 2021 - 2022 của trường Tiểu học An Hưng được xây dựng trên cơ sở lấy từ thực tiển của các trường học trên địa bàn quận Hà Đông và địa bàn phường Dương Nội. Kế hoạch được soạn thảo và triển khai thống nhất trong đội ngũ nhà trường, thời gian thực hiện kế hoạch trong năm học. Định kì sau mỗi học kì tổ chức đánh giá kết quả thực hiện vào ngày Sơ kết học kì 1, Tổng kết năm học và ngày đầu tiên sau khi trả phép nghỉ hè để rà soát lại và bổ sung cho phù hợp với tình hinh thực tế của nhà trường và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trên đây là kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường Tiểu học An Hưng năm học 2021 – 2022. Trong quá trình thực hiện sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường nhưng vẫn đảm bảo lộ trình thực hiện theo kế hoạch đề ra.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận**:  - Phòng GDĐT (để b/c)  - UBND phường Dương Nội (để b/c)  - Lưu VT, VP | **HIỆU TRƯỞNG**  **Cao Thị Lan Hương** |